TẾ BÀO – ĐVCS CỦA SỰ SỐNG

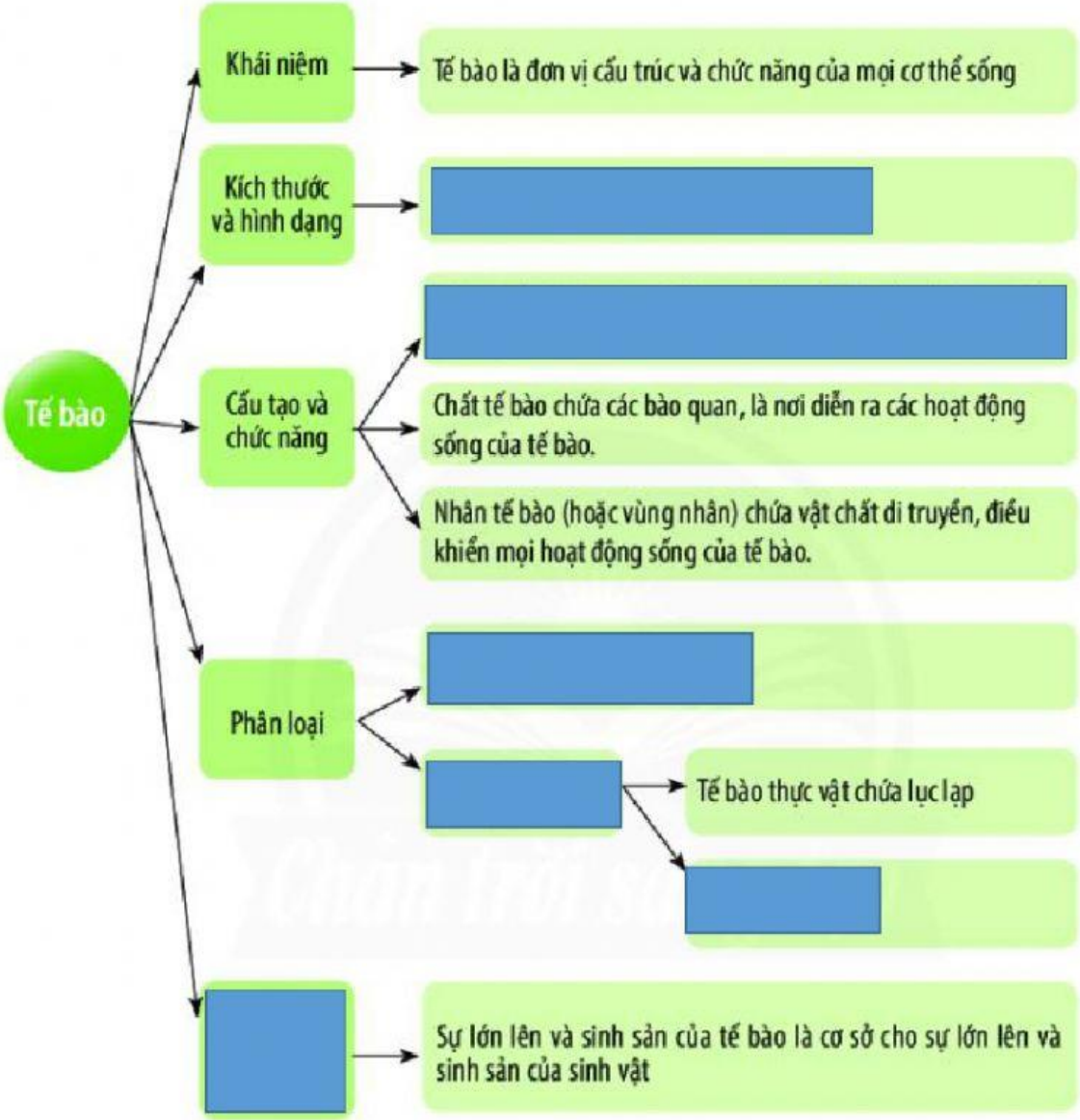

KÉO CÁC Ô CHỮ ĐỂ HOÀN THIỆN SƠ ĐỒ TRÊN

Sự lớn lên và sinh sản của tế bào

Tế bào nhân sơ: có vùng nhân

Tế bào nhân thực: có nhân

Màng tế bào bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào và đi ra khỏi tế bào.

Tế bào có hình dạng và kích thước đa dạng

Tế bào động vật

LIVEWORKSHEETS

CÂU 1:

Cho bảng sau:

Tế bào	Vùng nhân	Nhân	Lục lạp
(1)	Có	Không	Không
(2)	Không	Có	Không
(3)	Không	Có	Có

Hãy cho biết trong các tế bào (1), (2), (3):

a) Tế bào nào là tế bào động vật?

b) Tế bào nào là tế bào nhân thực?

CÂU 2:

Quan sát và so sánh tế bào qua hình vẽ sau:

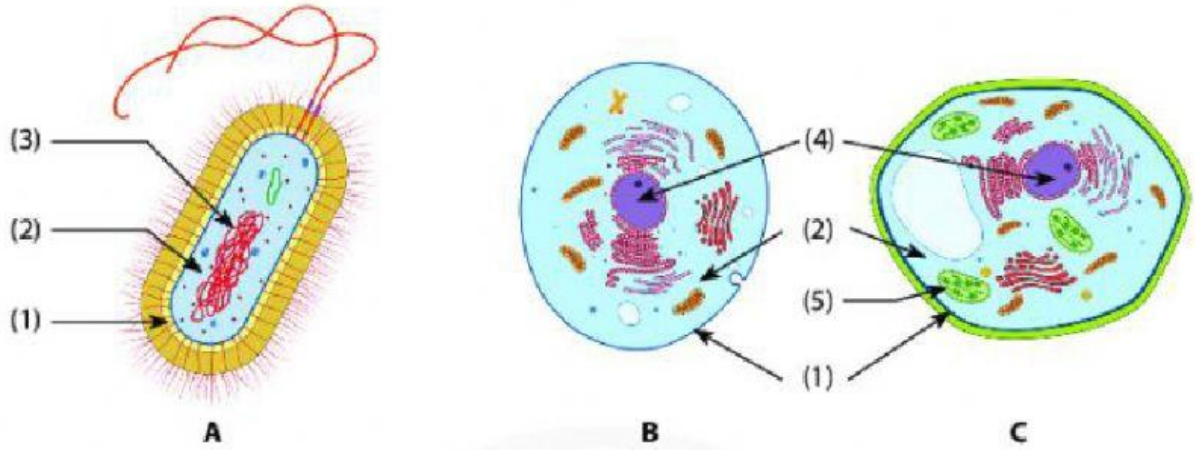

a/ Chú thích cho hình A B C

1:	**4:**
2:	**5:**
3:	

b/ Xác định tên tế bào:

A: **B:** **C:**

LIVEWORKSHEETS

CÂU 3:

Các tế bào dưới đây là tế bào nhân sơ hay tế bào nhân thực

a) Tế bào lá cây

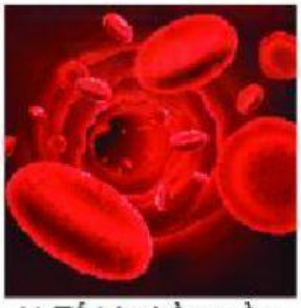

b) Tế bào hồng cầu

c) Tế bào thần kinh

CÂU 4: Chọn đáp án đúng

1. Mô tả nào dưới đây về chức năng của thành phần tế bào là đúng?

   A. Nhân – tích trữ nước, thức ăn và chất thải của tế bào.

   B. Tế bào chất – chứa các bào quan.

   C. Không bào – lưu giữ thông tin di truyền.

   D. Màng tế bào – thu nhận ánh sáng mặt trời.

2. Quá trình sinh sản của tế bào **không** có ý nghĩa

   A. giúp cơ thể đơn bào lớn lên.

   B. giúp cơ thể đa bào lớn lên.

   C. thay thế các tế bào già đã chết.

   D. thay thế các tế bào bị tổn thương.

3. Thành phần nào dưới đây có ở tế bào thực vật mà **không** có ở tế bào động vật?

   A. Nhân tế bào. B. Tế bào chất.

   C. Lục lạp. D. Màng tế bào.

4. Tế bào nào dưới đây có thể quan sát bằng mắt thường?

   A. Tế bào da người.

   B. Tế bào lá cây.

   C. Tế bào vi khuẩn.

   D. Tế bào trứng cá.

LIVEWORKSHEETS